TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Bà Huỳnh Thị Thuận

-Thư ký phiên toà: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 12-11-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2019/TLST-HNGĐ 08-7-2019 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ 15, ấp 1, xã 2, huyện A, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ng và ông Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2006, được UBND xã 2, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 15/3/2007. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống tại tổ 15, ấp 1, xã 2, huyện A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông Th rượu chè về kiếm cớ chửi, đánh bà Ng; từ tháng 01/2009 đến nay bà Ng và ông Th đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và không tự hòa giải được với nhau nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Ng và ông Th có 01 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/4/2006, hiện đang sống cùng bà Ng, bà Ng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng cho con;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn bà Ng đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ, gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình, giấy xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn

-Bị đơn Ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

-Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Th được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà Ng và ông Th là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định giữa hai bên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, hai bên đã ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không hòa giải để hàn gắn tình cảm với nhau được, vì thế hai bên không thể về chung sống hạnh phúc bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng. Bà Ng và ông Th có 01 con chung là

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/4/2006, hiện đang sống cùng bà Ng, bà Ng có công việc và thu nhập để nuôi con, ông Th không đến Tòa án để nêu ra ý kiến của mình nên có cơ sở giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng; bà Ng không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Th, yêu cầu giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

[1.2] *Về thẩm quyền:* Theo đơn khởi kiện và theo kết quả xác minh của Tòa án (BL 09, 19) và điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao có đủ cơ sở xác định địa chỉ cư trú của bị đơn ông Th là ấp Tân Hội, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ nên căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[1.3] *Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn ông Th dù đã được Tòa án tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 173, 177, 179 BLTTDS nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; riêng bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và bà Ng.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà Ng và ông Th có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã 2, huyện A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 02), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà Ng, ông Th là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] *Về mâu thuẫn:* Theo bà Ng trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do

ông Th rượu chè về kiếm cớ chửi bới, đánh đập bà Ng; từ tháng 01/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Ông Th dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông Th không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng và duy trì cuộc sống chung với bà Ng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì "*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình";* theo bà Ng trình bày, vợ chồng đã ly thân, mạnh ai lấy sống, con cái do bà Ng chăm sóc, không được ông Th giúp đỡ, chia sẻ, cho thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông Th.

[2.3] *Về nuôi con chung*: Bà Ng và ông Th có 01 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/4/2006 hiện đang sống cùng bà Ng; bà Ng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con*" nhưng ông Th không có mặt tại phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này. Tuy không có tài liệu chứng minh về thu nhập của mình nhưng từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ được bà Ng chăm lo việc học tập đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Để đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt của các cháu được ổn định, phù hợp với lợi ích của con chung nên cần giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] *Về cấp dưỡng cho con*: Do bà Ng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Do bà Ng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.6] *Về tài liệu chứng cứ:* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS nên được chấp nhận.

Theo quy định khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS ông Th có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo về quyền lợi của mình; ông Th được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên là từ bỏ quyền tự chứng minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do bị đơn ông Th vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên HĐXX chỉ xem xét theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập là phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS.

[3] *Về án phí:* Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên bà Ng phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Bà Ng và ông Th được quyền kháng cáo theo quy định Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng đối với Ông Nguyễn Văn Th.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn với Ông Nguyễn Văn Th.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Ng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 29/4/2006 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Ng không yêu cầu ông Th cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn bà Ng, ông Th đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình,

Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số TU/2017/0006812 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Ng đã nộp đủ án phí.

- Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND xã 2 (CNKH 05 ngày 15/3/2007);
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Đạt